

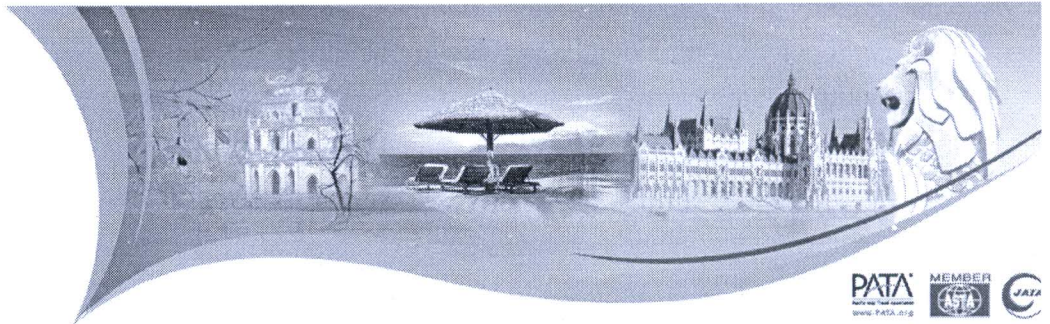


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2016



CÔNG TY CP FIDITOUR
129 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM
Tel: (08) 39 14 14 14
Fax: (08) 39 14 13 63
www.fiditour.com



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

NỘI DUNG

I. Thông tin chung

- 1. Thông tin khái quát*
- 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*
- 4. Định hướng phát triển*
- 5. Các rủi ro*

II. Tình hình hoạt động trong năm

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 2. Tổ chức và nhân sự*
- 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án*
- 4. Tình hình tài chính*
- 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu*
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*
- 2. Tình hình tài chính*
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*
- 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
- 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc*
- 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

V. Quản trị Công ty

- 1. Hội đồng quản trị*
- 2. Ban kiểm soát*

VI. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán

- 1. Ý kiến kiểm toán*
- 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán*

FIDITOUR - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Được thành lập tháng 3/1989 với số vốn 5 triệu đồng, đến nay Công ty cổ phần Fiditour đang hoạt động với vốn điều lệ là **30.545.000.000 đồng**, chuyên kinh doanh dịch vụ lữ hành, lưu trú, vận chuyển, cho thuê văn phòng và các lĩnh vực khác. Liên tục nhiều năm liền kể từ năm 2001 cho đến nay, Fiditour là một trong những doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hàng đầu nằm trong Topten của ngành du lịch Việt Nam. Fiditour cũng là thành viên chính thức của các Hiệp hội Du lịch quốc tế (PATA, ASTA, JATA), Hiệp hội Du lịch Việt Nam (VTA) và Hiệp hội Du lịch Tp.HCM (HTA).

- Tên Công ty

- Tên tiếng Việt : Công ty cổ phần Fiditour.
- Tên tiếng Anh : Fiditour Joint Stock Company
- Tên viết tắt và giao dịch: Fiditour
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302044758, đăng ký lần đầu: ngày 24/1/2005; Đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 2/6/2016.
- Thương hiệu và logo :



- Trụ sở Công ty:

- * Địa chỉ: 127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
- * Điện thoại: 08. 3914 1414
- * Fax: 08. 3914 1363
- * E-mail: fidi@fiditour.com
- * Website: <http://www.fiditour.com>
- * Mã cổ phiếu: FDT

- Hệ thống chi nhánh:

- Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 43 Ngô Quyền, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

- Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 93 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

- Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: Số 59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Chợ Lớn

Địa chỉ: 385 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Hoàng Gia

Địa chỉ: 12D Cách mạng Tháng 8, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Tân Định

Địa chỉ: 50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Khách sạn Đặng Dung

Địa chỉ: 54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

* Chi nhánh Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Tân Bình

Địa chỉ: 355 Cộng Hòa, Quận Tân Bình

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

- Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý vé máy bay.
- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng.

Địa bàn hoạt động: Trong nước và quốc tế.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và hai Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

Các phòng ban, đơn vị trực thuộc :

+ 09 Phòng Nghiệp vụ :

- Phòng Kế toán - Tài chính;
- Phòng Kế hoạch – Giám sát nội bộ;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Tiếp thị - Đối ngoại - Truyền thông;
- Ban Quản lý dự án;
- Phòng Giao dịch;
- Phòng Dịch vụ khách hàng và Quản lý chất lượng;
- Phòng Công nghệ thông tin.
- Phòng Nghiên cứu và phát triển kinh doanh (vừa là phòng nghiệp vụ, nghiên cứu sản phẩm, vừa là phòng kinh doanh, đưa các sản phẩm mới ra thị trường).

+ 08 Phòng Kinh doanh lữ hành và dịch vụ:

- Phòng Thị trường quốc tế;
- Phòng Du lịch trong nước;
- Phòng Du lịch nước ngoài;
- Phòng Kinh doanh trực tuyến;
- Đại lý Vé máy bay;
- Trung tâm vận chuyển;
- Phòng Sự kiện.
- Hệ thống phân phối.

+ 04 Phòng Nghiệp vụ Lữ hành :

- Phòng Điều hành;
- Phòng Hướng dẫn;
- Phòng Kế toán lữ hành;
- Phòng Kế toán dịch vụ hàng không.

+ 03 đơn vị kinh doanh lưu trú – văn phòng cho thuê:

- Khách sạn Hoàng Gia;
- Khách sạn Đặng Dung – Tân Định;
- Văn phòng cho thuê.

+ Hệ thống Chi nhánh và Văn phòng giao dịch gồm:

- Tại thành phố Hồ Chí Minh:
 - Chi nhánh Chợ Lớn;
 - Chi nhánh Tân Bình.
- Tại các tỉnh thành khác:
 - Chi nhánh Hà Nội;

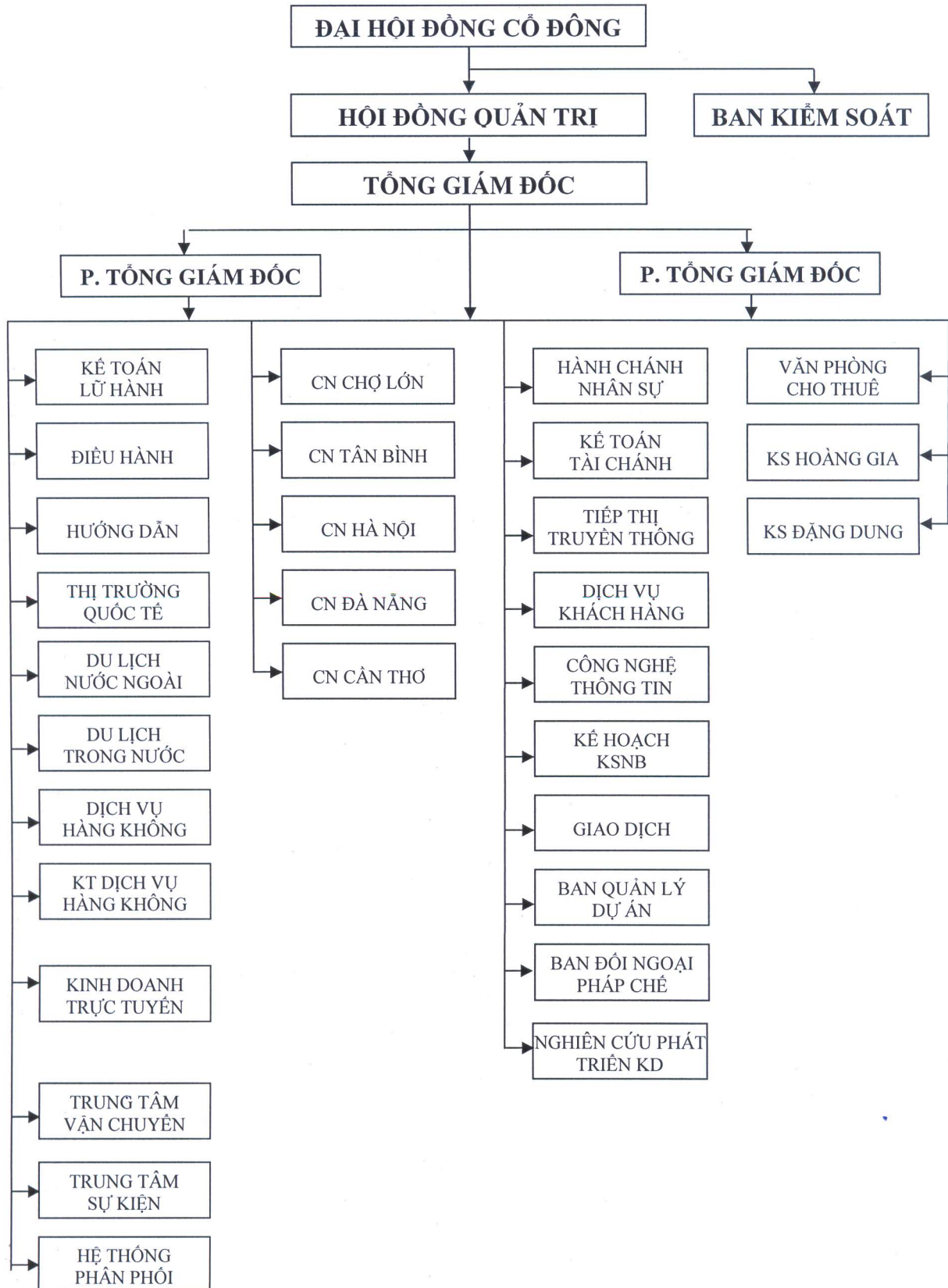
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Chi nhánh Cần Thơ.

- Tổ chức Đảng, Đoàn thể:

+ Chi bộ: gồm 26 Đảng viên;

+ Đoàn thanh niên: gồm ___ đoàn viên.

- Sơ đồ tổ chức:



4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu: Công ty giữ hàng đầu (trong top 5) và có chất lượng tốt nhất.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho các đối tượng khách hàng có nhu cầu.
- Các mục tiêu phát triển bền vững: Gắn hoạt động kinh doanh với đóng góp cho xã hội trong khả năng cho phép.

5. Các rủi ro

- Rủi ro luật pháp:
 - + Luật và các văn bản dưới luật chưa hoàn chỉnh.
 - + Các chính sách và hướng dẫn thay đổi thường xuyên, chưa đồng bộ với các quy định khác
- Rủi ro kinh tế: Kinh tế toàn cầu suy thoái kéo dài. Kinh tế Việt Nam còn nhiều bất ổn và tiềm ẩn những nguy cơ khó lường, GDP tăng trưởng thấp, thu nhập không đảm bảo, xu hướng tiết kiệm hơn tiêu dùng.
- Rủi ro biến động tỷ giá ngoại tệ: Tỷ giá USD/VNĐ chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, có những thời điểm khan hiếm và biến động khó lường. Trong khi đó, việc thanh toán cho các đối tác nước ngoài chủ yếu bằng tiền USD.
- Rủi ro môi trường và bất ổn chính trị: Dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường, bất ổn chính trị của các quốc gia trên thế giới làm thay đổi kế hoạch du lịch của du khách.
- Rủi ro nợ phải thu khó đòi: Đặc thù ở mảng dịch vụ hàng không là mua trước, thanh toán sau, dễ phát sinh các khoản nợ dây dưa, khó đòi.
- Rủi ro từ việc rò rỉ bí mật kinh doanh, quản trị: Chính sách giá, khách hàng, đối tác; chính sách khuyến khích, thu hút nhân tài bị sao chép, bắt chước...
- Rủi ro từ phía nhà cung cấp: Cung cấp dịch vụ không đúng chất lượng theo hợp đồng hoặc thỏa thuận đã ký kết.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động kinh doanh

Năm 2015, ngành du lịch Việt Nam phải đương đầu với nhiều khó khăn vì dịch bệnh Ebola bùng phát ở châu Phi, MERS-CoV vùng Trung đông; tai nạn hàng không liên tiếp xảy ra; bất ổn về chính trị và khó khăn về kinh tế trong khu vực cũng như trên thế giới khiến cho lượng khách quốc tế suy giảm, đặc biệt là lượng khách từ các thị trường quan trọng đều giảm... Đồng thời, những yếu tố này cũng tác động mạnh đến tâm lý khách hàng trong nước khiến thị trường du lịch nước ngoài gặp nhiều trở ngại. Vì những tác động bất lợi kéo dài này nên ngành du lịch bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Tình hình kinh tế, chính trị trong nước cũng diễn biến phức tạp với nhiều biến động lớn khiến cho tổng cầu nền kinh tế bị suy giảm, số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động và giải thể tiếp tục gia tăng, từ đó tác động mạnh đến thị trường du lịch. Do đó, dù tình hình kinh tế có cải thiện vào cuối năm 2015 nhưng hoạt động kinh doanh du lịch nói chung và của Công ty Fiditour trong cả năm vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Các công ty trên thị trường hiện nay sẵn sàng cạnh tranh thu hút khách bằng mọi cách, kể cả buông bỏ chất lượng và cắt giảm chương trình để có giá thấp nhất. Việc cạnh tranh

về giá mâu thuẫn với định hướng phát triển của Fiditour là lấy chất lượng dịch vụ làm trọng tâm nên Công ty phải cân nhắc thận trọng vì e ngại ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu trong dài hạn và tâm lý nhân viên cũng chưa đồng thuận trong việc bán tour chất lượng thấp. Do vậy, Công ty chuyển đổi chiến lược chậm khiến lượng khách tăng chậm, lợi nhuận giảm trong khi các chi phí khác để duy trì bộ máy và quảng bá không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả năm 2015 không đạt, lỗ hơn 12 tỷ và không có nguồn để chi trả cổ tức cho cổ đông.

Song song với kết quả kinh doanh thua lỗ khiến thu nhập nhân viên không tăng kịp đà tăng chi phí sinh hoạt, tạo tâm lý bất ổn trong nhân viên. Mặt khác, nhiều công ty du lịch khác đã dùng chính sách lương cao hơn để chiêu dụ nhân sự nên một số nhân viên nhảy việc sang các công ty này, trong khi số nhân viên mới tuyển thay thế thì chưa có nhiều kinh nghiệm nên biến động nhân sự tại công ty càng lớn.

Bộ máy nhân sự của công ty phù hợp với tình hình kinh doanh tốt nhưng lại trở nên nặng nề, cồng kềnh khi kinh tế khó khăn. Đồng thời, Công ty cũng chưa kiên quyết sa thải những nhân viên kinh doanh trước đây tốt nhưng nay trở nên yếu, không đạt chỉ tiêu doanh số.

Ban lãnh đạo Công ty chưa đánh giá hết và kịp thời những khó khăn to lớn phải đối mặt trước tình hình suy thoái kinh tế, lúng túng trong việc tìm ra giải pháp khi thị phần bị thu hẹp, khách hàng giảm chi tiêu và chuyển hướng chọn dịch vụ giá rẻ. Đồng thời, Công ty cũng trong tình thế tiến thoái lưỡng nan giữa duy trì hoạt động quảng bá, quảng cáo để thúc đẩy bán hàng với việc cắt giảm chi phí của lĩnh vực này; giữa giải thể một số đơn vị chưa hiệu quả với việc duy trì bộ máy nhằm chờ đón sự phục hồi kinh doanh, tránh tình trạng bị động nguồn nhân lực khi kinh tế phục hồi và tình hình thị trường được cải thiện.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành: Ban tổng giám đốc có 3 thành viên và Kế toán trưởng. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Việt Hùng – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Ông Đoàn Thiện Tánh - Phó Tổng giám đốc
- Ông Đặng Trung Nghĩa - Phó Tổng giám đốc
- Bà Lê Thị Hoàng Hà – Kế toán trưởng, người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin cho doanh nghiệp.

Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

1. Tổng giám đốc

Họ tên: NGUYỄN VIỆT HÙNG

- CMND số: 020356189 Ngày cấp: 28/7/2010 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/4/1958
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 161/2 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận I
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1981 – năm 1985 : Cán bộ nghiên cứu Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tư lệnh TP.HCM
 - Từ năm 1985 – năm 1986 : Cán bộ nghiên cứu Văn phòng Quận ủy Quận I, TPHCM
 - Từ năm 1986 – năm 1989 : Chủ tịch UBND Phường 3, Quận I
 - Từ năm 1989 – năm 2004 : Phó bí thư Chi bộ, Giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) thuộc Tổng công ty Du lịch Sài Gòn (SAIGONTOURIST)
 - Từ năm 2005 – đến nay: Đảng ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Du lịch Sài Gòn, Phó bí thư Chi bộ, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FIDITOUR
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2015:
 - + Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 180.000 cổ phần
 - + Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước nắm giữ của công ty: 141.825 cổ phần.
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2015:
 - + Vợ : Nguyễn Thị Thanh Hương - 76.210 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: Không.
- Các khoản lợi ích khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

2. Phó tổng giám đốc

Họ tên: ĐOÀN THIÊN TÁNH

- CMND số: 020458805 Ngày cấp: 08/01/2004 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/4/1961
- Nơi sinh: Tam Bình, Thủ Đức, TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 52/53 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận I
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1979 – năm 1983 : Tham gia LLVT, BCH. Quân sự Phường 4, Quận I.
 - Từ năm 1983 – năm 1989 : Phó chủ tịch UBND Phường 4, Quận I
 - Từ năm 1989 – năm 1994 : Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định Fiditourist
 - Từ năm 1995 – năm 1998 : Bí thư Chi bộ Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST) kiêm Giám đốc Khách sạn Hoàng Gia
 - Từ năm 1998 – năm 2005 : Bí thư Chi bộ kiêm Phó giám đốc Công ty TMDVDL Tân Định (FIDITOURIST)
 - Từ năm 2005 – nay : Bí thư Chi bộ, Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FIDITOUR
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2015:
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 95.960 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2015: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: Không.
- Các khoản lợi ích khác: không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

3. Phó tổng giám đốc:

Họ tên: ĐẶNG TRUNG NGHĨA

- CMND số: 021730075 Ngày cấp: 30/06/2000 Nơi cấp: CA TP.HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/10/1964
- Nơi sinh: Gia Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tây Ninh
- Địa chỉ thường trú: 52A Nguyễn Thái Sơn, P3, Gò Vấp
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083 9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại Học Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1970 – năm 1983 : Học sinh phổ thông
 - Từ năm 1983 – năm 1987 : Sinh viên ĐH Kinh Tế
 - Từ năm 1987 – năm 1989 : Nhân viên kế hoạch Công ty Văn Hóa Quận 11
 - Từ năm 1989 – năm 1990 : Nhân viên kế hoạch Công ty Phát Hành Sách
 - Từ năm 1990 – nay : Công tác tại Fiditour.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2015.
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 68.150 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2015: không có
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: không.
- Các khoản lợi ích khác: không.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không.

3. Kế toán trưởng

Họ tên: LÊ THỊ HOÀNG HÀ

- CMND số: 024825694 Ngày cấp: 26/01/2008 Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/07/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 85/26 Nguyễn Đình Chiểu, phường 04, quận Phú Nhuận.
- Số điện thoại liên lạc với cơ quan: 083.9141414
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính - kế toán
- Quá trình công tác:
 - 1996 – 1998: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần may – xây dựng Huy Hoàng
 - 1999 – 2000: Nhân viên kế toán Công ty thương mại dịch vụ du lịch Tân Định
 - 2001 – 2004: Phó phòng Kế toán tài vụ Công ty TMDVDL Tân Định (Fiditourist)
 - 2005 - nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần FIDITOUR
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần sở hữu đến thời điểm 31/12/2015.
 - Số cổ phần sở hữu của cá nhân: 27.140 cổ phần
- Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2015:
 - Chồng: Nguyễn Quang Tuấn, sở hữu 1.250 cổ phần.
 - Em trai : Lê Hoàng Sơn, sở hữu 10.700 cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): không
- Thù lao: Không.
- Các khoản lợi ích khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản	106,883,571,278	101,697,970,824	+5.1%
Doanh thu thuần	501,099,451,447	486,730,535,612	+2.95%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(12,798,446,959)	(6,118,194,402)	109.19%
Lợi nhuận khác	686,223,119	6,146,575,931	-88.84%
Lợi nhuận trước thuế	(12,112,223,840)	28,381,529	-42,776.43%
Lợi nhuận sau thuế	(121,122,23,840)	24,583,891	-49,368.95%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	10%	-10%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.15	1.52	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.91	1.2	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.73	0.59	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2.67	1.43	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	28.13	23.56	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	4.69	4.79	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Cổ phần:

- Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành 3.054.500
- Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành 3.054.500
- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước:

Thành phần cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Cổ đông là pháp nhân	1.116.120	36.5%	
Cổ đông là cá nhân	1.938.380	63.5%	
Tổng cộng	3.054.500	100 %	

Đơn vị: triệu đồng

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn: Căn cứ vào danh sách cổ đông của Công ty chốt vào ngày 06/4/2015, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của Công ty trở lên bao gồm:

Họ và tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH MTV (đại diện cho phần vốn nhà nước)	23 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	0300625210	600.000	19,64
Công ty Cổ phần Kiến Á	Lầu 02, tòa nhà IMPERIA, 5 Đông Tây 1, P An Phú, Q2, TP.HCM	0302443907	248.280	8,13
Ông Nguyễn Việt Hùng	2/11 Cao Thắng, Q.3, TP.HCM.	020356189	180.000	5,89
Tổng cộng			1.028.280	33,66%

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1- Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng: Là đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch là chủ yếu, vì vậy nguyên vật liệu sử dụng phụ thuộc phần lớn vào các nhà cung cấp, đối tác trong và ngoài nước.

6.2- Tiêu thụ năng lượng: Tổng chi phí phải trả cho việc tiêu thụ điện: 1,885,228,546 đ/năm. Tổng chi phí phải trả cho điện thoại, fax, truyền hình cáp: 753,330,268 đ/năm.

6.3- Tiêu thụ nước: Tổng chi phí phải trả cho việc tiêu thụ nước: 304,629,676 đ/năm

6.4- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa việc sử dụng các nguyên liệu khó tiêu hủy. Đội ngũ CBCNV bên cạnh việc tự thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường thì còn nhắc nhở, hướng dẫn du khách cùng phối hợp bảo vệ môi trường ở các điểm đến: không xả rác bừa bãi, tiết kiệm điện, nước, các vật dụng phải sử dụng nhiều đến nguồn nước.

6.5- Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng CBCNV: Tổng số lao động trong Công ty tính đến 31/12/2015 là 384 người, giảm 3.5% so với năm trước.

- Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày. Đối với bộ phận gián tiếp làm việc trong giờ hành chính và đảm bảo 40 giờ/ tuần. Đối với bộ phận làm việc trực tiếp như nhân viên khối lưu trú được bố trí làm việc theo ca, làm việc 48 giờ/ tuần.

- Chính sách lương

Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, Công ty trả lương căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng cá nhân theo mức lũy tiến 10%, 15%, 20%,... Nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hàng năm, cán bộ công nhân viên được xét tăng lương phụ thuộc vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và năng lực thực tế của nhân viên. Thu nhập bình quân năm 2015 là 8.800.000 đ/ người/tháng.

- Chính sách khen thưởng

Áp dụng thưởng trực tiếp trên lãi cho đội ngũ nhân viên kinh doanh, thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng năm.

- Chế độ phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ khách hàng. Chính sách đào tạo cho nhân viên bao gồm: Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng phục vụ khách hàng, kỹ năng bán hàng, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tiếp thị,... Dựa vào tình hình nhu cầu thực tế, Công ty tổ chức mở lớp đào tạo ngay tại Công ty hoặc gửi đi đào tạo tại các tổ chức, trung tâm đào tạo uy tín trong nước

6.6- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn quan tâm hỗ trợ các phong trào tại địa bàn nơi có trụ sở hoặc Chi nhánh của Công ty như ủng hộ Quỹ xóa đói giảm nghèo, khó khăn đột xuất. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện công tác xã hội phụ dưỡng 01 Mẹ VNAH, thăm và tặng quà Khu bảo trợ XH Tân Hà (tại tỉnh Bình Thuận) 16.853.000 đồng, vận động hiến 65 đơn vị máu.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 có nhiều bất lợi cho hoạt động kinh doanh du lịch và của Công ty Fiditour, dù kinh tế có cải thiện nhưng đối với lĩnh vực du lịch bao giờ cũng phục hồi chậm hơn. Việc cạnh tranh để thu hút khách diễn ra quyết liệt, có những doanh nghiệp buông bỏ chất lượng, chỉ chú ý làm sao để có giá thấp nhất. Fiditour không thể giảm chất lượng dịch vụ nhưng cũng phải nương theo thị trường để có khách, vì vậy để cạnh tranh, Công ty buộc phải giảm lợi nhuận, trong khi các chi phí khác để duy trì bộ máy, quảng bá không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả năm 2015 không đạt, lỗ hơn 12 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

- Tài sản cố định hữu hình : tăng phương tiện vận tải phục vụ cho kinh doanh làm tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình: 4.141.414.546đ
- Bất động sản đầu tư: là giá trị quyền sử dụng đất mua vào trong năm. Giá trị của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị đang ghi sổ, vì vậy không có tổn thất do giảm giá.

b. Tình hình nợ phải trả:

Không có biến động lớn về khoản nợ cũng như về chênh lệch tỷ giá làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Dù ứng biến chậm vì bộ máy công kênh, nhưng Công ty cũng đã triển khai thực hiện nhiều hoạt động để khắc phục khó khăn.

b.1. Thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

- Áp dụng các biện pháp nhằm tăng cường hoạt động kinh doanh:

- + Đánh giá thị trường, xây dựng chương trình, tư vấn về định giá linh hoạt, v.v...
- + Mở dòng tour siêu tiết kiệm bên cạnh dòng tour phổ thông cho phù hợp tình hình thực tế.
- + Tiến hành tập huấn tuyến điểm, tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng ban trong việc tiếp thị chào bán dịch vụ.
- + Công ty tiếp tục củng cố và cải tiến hoạt động của Hệ thống phân phối.
- + Sàng lọc lại hệ thống web của Công ty, đổi mới giao diện và làm phong phú các web này. Liên kết với ngân hàng, tổ chức phát hành thẻ và tận dụng các kênh quảng bá miễn phí trên internet để thúc đẩy kinh doanh trực tuyến, bán tour trên mạng.
- + Củng cố lại trang mạng xã hội (facebook) của Công ty, cập nhật thường xuyên và nhanh chóng các tin tức, thông tin tour tuyến nhằm gia tăng lượng khách hàng truy cập.
- + Phát động nhiều phong trào nội bộ nhằm động viên tinh thần nhân viên tích cực bán tour.

b.2. Tinh gọn bộ máy và nhân sự:

- Giải thể hoặc thu hẹp một số bộ phận kinh doanh không hiệu quả.
- Sa thải những nhân viên làm việc không hiệu quả. Từ năm 2015, Công ty đã rà soát và tiến hành thanh lý hợp đồng với 90 nhân sự, trong đó có 69 nhân sự thuộc đơn vị kinh doanh do không đạt chỉ tiêu lãi và 21 nhân sự thuộc khối nghiệp vụ để đảm bảo tăng cường tối đa hiệu quả thực hiện công việc.
- Chuyển một số nhân viên thuộc Khối Giám tiếp qua Kinh doanh và bước đầu có kết quả khả thi khi các nhân viên mới chuyển này đã mang về doanh số. Công ty tạm thời thu hẹp các hoạt động nghiệp vụ có tính dài hạn.
- Bổ sung nhân sự cho Khối Kinh doanh
- Công ty đã bổ nhiệm 3 cán bộ trẻ vào Ban Tổng Giám đốc vào tháng 01/2016 nhằm chuẩn bị cho thế hệ lãnh đạo kế tiếp.

b.3. Các biện pháp tài chính:

- Công ty đã cắt giảm chi phí hoa hồng, chăm sóc và tiếp xúc khách hàng so với năm 2014 mà vẫn đảm bảo doanh thu nhờ tăng cường các biện pháp giám sát việc chấp hành các nội quy và xử lý nghiêm các sai phạm, nhất là lĩnh vực tài chính.
- Cắt giảm chi phí mua trang thiết bị phục vụ công việc.
- Tình hình kinh tế khó khăn đã nảy sinh nhiều rủi ro về nợ từ phía khách hàng. Do vậy, Công ty đã tăng cường công tác thẩm định khách hàng doanh nghiệp, đôn đốc mạnh việc thu hồi nợ cũng như trực tiếp đòi nợ, hạn chế tối đa việc bị chiếm dụng vốn từ phía khách hàng.

Bên cạnh các giải pháp linh hoạt trong ngắn hạn nhằm đẩy mạnh kinh doanh, vượt qua khó khăn trong giai đoạn hiện tại và phục hồi lại hiệu quả kinh doanh, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện các công tác dài hạn nhằm chủ động ứng biến khi kinh tế phục hồi: tăng cường công tác huấn luyện và tuyển dụng nhân sự bổ sung cho các đơn vị kinh doanh; Liên tục chuẩn hóa hệ thống quy trình và triển

khai áp dụng vào thực tế nhằm bảo đảm chất lượng tour ngay từ giai đoạn khó khăn hiện tại cho đến sau này; Cùng cố trang web nội bộ, đa dạng hóa các hình thức truyền thông trong CB-NV để động viên tinh thần nhân viên vững chí, vượt khó cũng như nâng cao ý thức trách nhiệm với Công ty, với khách hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kinh tế Việt Nam được dự đoán tăng trưởng trong năm 2016 nhờ hội nhập kinh tế qua các hiệp định thương mại được ký kết sẽ tạo thêm cơ hội cho Việt Nam tiếp cận vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Kinh tế khởi sắc sẽ tác động tích cực đến thị trường du lịch, ngân sách nghỉ dưỡng, hội thảo và khen thưởng của các doanh nghiệp đã bắt đầu tăng trưởng khá trở lại và tạo cơ hội tốt cho các đơn vị lữ hành.

Tuy vẫn còn chậm nhưng nhu cầu du lịch của khách hàng cá nhân dần phục hồi, thị phần khách hàng trung lưu đã có chuyển biến tốt hơn trước. Tuy nhiên, một bộ phận lớn khách hàng vẫn lấy giá rẻ làm tiêu chí đầu tiên chọn lựa đơn vị cung cấp sản phẩm du lịch, kế tiếp mới tính đến chất lượng. Tuy khách yêu cầu giá rẻ nhưng vẫn mong muốn chất lượng được đảm bảo.

Chiến lược giá rẻ vẫn được hầu hết các công ty du lịch chú trọng trong tình hình kinh tế hiện tại. Do vậy, cạnh tranh càng thêm gay gắt trong đấu thầu các đoàn khách lớn.

Fiditour tiếp tục thực hiện các biện pháp mang lại kết quả trong năm 2015 đồng thời phát triển thêm một số hoạt động mới tập trung hơn nữa cho việc bán được sản phẩm nhằm phục hồi kết quả kinh doanh, đảm bảo lãi toàn công ty. Cụ thể như sau:

a. Về kinh doanh:

- Công ty định hướng dòng sản phẩm chủ đạo cho các đơn vị kinh doanh tập trung khai thác, làm mũi nhọn đột phá rồi lan tỏa ra các khâu khác.
- Mở rộng các loại hình tour, linh hoạt chuyển đổi dần hình thức kinh doanh tour lẻ trọn gói nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Thúc đẩy hơn nữa việc bán tour online bằng nhiều biện pháp. Chủ động lên chương trình và mời các ngân hàng, đơn vị phát hành thẻ hợp tác thương hiệu để đẩy mạnh kinh doanh trực tuyến đang có chiều hướng phát triển tốt.
- Nghiên cứu hình thức thí điểm khoán lãi ở một số đơn vị nếu có điều kiện thích hợp và trên cơ sở bảo đảm uy tín, chất lượng của Công ty và an toàn tài chính.
- Huấn luyện cho mọi NV có thể bán được các loại hình tour và huy động toàn lực vào công tác tiếp thị. Tuyển dụng thêm nhân viên khối kinh doanh tour đoàn để đẩy mạnh chào hàng các công ty lớn tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và các tỉnh thành khác.
- Phát huy vai trò chủ động của các Phó Tổng Giám đốc trong quản lý khối mình phụ trách và phối hợp liên khối sao cho hiệu quả nhất; điều phối sự phối hợp giữa các phòng, giữa các chi nhánh trong chào hàng tiếp thị, xây dựng sản phẩm chung để đáp ứng tất cả các yêu cầu của khách hàng.
- Tập trung phát triển hệ thống đại lý thật sự hiệu quả, với nhiều hình thức hợp tác linh hoạt nhằm tăng lượng khách du lịch qua Fiditour. Công ty tổ chức tập huấn định kỳ hàng quý cho các Đại lý nhằm thắt chặt mối quan hệ và nâng cao năng lực bán cho các Đại lý.

- Tiếp tục vi tính hóa các công việc, cải tiến hệ thống nội bộ giúp kết nối dữ liệu giữa các phòng ban và nâng cao tính quản trị trên hệ thống TMS giúp công ty quản lý chất lượng dịch vụ trước, trong và sau tour được chi tiết, đặc biệt giảm thiểu rủi ro và hạn chế các sự cố ở mức thấp nhất.
- Tăng cường quản lý tài chính và xử lý nghiêm những sai phạm tài chính.

b. Về tiếp thị truyền thông:

- Trong năm 2016, Công ty tiếp tục điều chỉnh trọng tâm công tác quảng bá tiếp thị xoay mạnh vào mục tiêu bán được nhiều tour, tạm thời hoãn lại các chương trình dài hạn. Mở rộng việc liên kết với các công ty khác nhằm gia tăng tiện ích cho khách hàng qua các chương trình hợp tác thương hiệu.
- Định hướng kết hợp linh hoạt các hình thức tiếp thị, áp dụng nhanh các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như web, mail, e-newsletter, tin nhắn SMS, mạng xã hội song song với báo giấy, báo hình, báo online... nhằm giảm thiểu tối đa chi phí nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả quảng bá như yêu cầu. Đồng thời, xây dựng các phương thức đo lường hiệu quả tiếp thị để có sự thay đổi kịp thời nhằm sử dụng ngân sách một cách hợp lý nhất.
- Mở rộng công tác chăm sóc khách hàng ra các lĩnh vực hoạt động khác của công ty như: vé máy bay, vận chuyển,... Số hóa và cải tiến các hình thức chăm sóc khách hàng, đặc biệt là khắc phục các sự cố trong tour (nếu có), đảm bảo khách hàng hài lòng và tiếp tục sử dụng sản phẩm dịch vụ của công ty.

c. Về đội ngũ Nhân sự:

- Từng quý sẽ rà soát và kiên quyết thanh lý hợp đồng đối với những nhân viên làm việc không hiệu quả, bao gồm cả Khối Trực tiếp kinh doanh và Khối nghiệp vụ. Thu hẹp hoặc giải thể những đơn vị kinh doanh không hiệu quả dù phải hy sinh lợi ích dài hạn.
- Tăng cường tổ chức các buổi trao đổi - chia sẻ kinh nghiệm, tập huấn nhân viên về tuyển điểm, kỹ năng bán nhiều loại hình sản phẩm dịch vụ. Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao tinh thần chủ động kinh doanh và ý thức tận tâm phục vụ khách hàng của BC-NV.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2015, toàn bộ hoạt động của Công ty đều bị giảm sút nghiêm trọng. Các đơn vị thuộc khối lõi hành như phòng Du lịch nước ngoài, Phòng Thị trường quốc tế, Trung tâm vận chuyển tuy rất nỗ lực nhưng đều không đạt hiệu quả như mong muốn do nguyên nhân khách quan là sự sụt giảm của nền kinh tế, sự cạnh tranh giảm giá quyết liệt để níu kéo khách của các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Lĩnh vực du học được củng cố nội lực và phát triển mạng lưới các trường. Phòng Sự kiện đã đáp ứng được nhu cầu nội bộ và phát triển kinh doanh ra bên ngoài. Các chi nhánh: Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ vẫn đang từng bước thâm nhập thị trường, ổn định uy tín thương hiệu song song với việc tăng cường nguồn nhân lực có chất lượng chuyên môn, có tâm với

công việc và Công ty. Về công tác quảng bá, quảng cáo, chăm sóc khách hàng đều có sự phát triển hơn so với năm trước, các trang web của Công ty được quan tâm đầu tư, cải tiến giao diện. Việc xây dựng các sản phẩm mới cũng được chú trọng, mở thêm được thị phần và thu hút nguồn khách mới. Công ty tiếp tục củng cố chính sách chất lượng, thường xuyên trao đổi rút kinh nghiệm với các đối tác cung cấp dịch vụ để nhằm đảm bảo chất lượng ổn định đúng như cam kết với khách hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc đột xuất. Kết thúc năm 2015, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều được phân công rõ ràng phụ trách từng khối và được ủy quyền để luôn chủ động trong công tác điều hành, chỉ đạo kinh doanh. Tuy kết quả kinh doanh bị lỗ nhưng các thành viên trong Ban tổng giám đốc đều đã rất nỗ lực, bươn chải vượt khó cùng Công ty.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị :

- Bám sát hoạt động của Công ty từng tháng một để kịp thời điều chỉnh chính sách kinh doanh.
- Tăng cường công tác quảng bá qua các kênh thông tin cá nhân nhằm gia tăng lượng khách tour cao cấp, bổ sung thị phần của dòng tour kén khách này.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của HĐQT: Hội đồng quản trị có 07 thành viên, trong đó có 03 thành viên độc lập không điều hành là Ông Phạm Thanh Bình, Bà Thái Diệu Hà, ông và ông Huỳnh Bá Lân. Các thành viên gồm:

1. Ông Nguyễn Việt Hùng, chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.
2. Ông Phạm Thanh Bình, phó chủ tịch hội đồng quản trị nhiệm.
3. Ông Đoàn Thiện Tánh, ủy viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc.
4. Ông Đặng Trung Nghĩa, ủy viên hội đồng quản trị, kiêm Phó tổng giám đốc.
5. Bà Thái Diệu Hà , ủy viên hội đồng quản trị.
6. Bà Lê Thị Hoàng Hà, ủy viên hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng.
7. Ông Huỳnh Bá Lân, ủy viên hội đồng quản trị.

*** Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	03	100%	
02	Ông PHẠM THANH BÌNH	Phó chủ tịch	01	33%	Đi công tác
03	Ông HUỖNH BÁ LÂN	Ủy viên	02	66%	Đi công tác
04	Ông ĐOÀN THIÊN TÁNH	Ủy viên kiêm Phó Tổng giám đốc	03	100%	
05	Ông ĐẶNG TRUNG NGHĨA	Ủy viên kiêm Phó Tổng giám đốc	03	100%	
06	Bà THÁI DIỆU HÀ	Ủy viên	03	100%	
07	Bà LÊ THỊ HOÀNG HÀ	Ủy viên	03	100%	

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- + Giám sát việc thực hiện các nội dung, chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.
- + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- + Kiểm tra kết quả kinh doanh năm 2015.
- + Thống nhất các nhiệm vụ thực hiện để cải thiện hiệu quả kinh doanh:
- + Đẩy mạnh bán hàng – thanh toán trực tuyến.
- + Tiếp tục chỉnh trang hình thức và nội dung website với nhiều tiện ích, gia tăng sự tương tác với khách hàng thông qua chương trình tư vấn tuyến điểm, các cuộc thi Video Clip, ảnh du lịch.
- + Tổ chức chương trình khuyến mãi phù hợp với hiện trạng kinh phí, quy mô để thu hút khách dịp tết dương lịch và tết nguyên đán (giữa tháng 2/2016).
- + Tiếp tục rà soát nhân sự, sàng lọc, tuyển thêm nhân viên kinh doanh. Đồng thời tăng cường huấn luyện kỹ năng mềm, đạo đức nghề nghiệp, nghiệp vụ tuyến điểm, trang bị khả năng nhân viên có thể bán được nhiều dịch vụ khác nhau.
- + Thí điểm việc bán riêng dịch vụ không bao gồm vé máy bay tại các nước Thái Lan, Singapore, Malaysia.
- + Xây dựng kế hoạch sử dụng công nghệ tiên tiến trong việc quản lý chăm sóc khách hàng, quản lý và đánh giá hiệu quả của từng nhân viên.

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa thành lập tiểu ban.

2. Ban kiểm soát

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1. Ông Vũ Văn Nhã, Trưởng ban kiểm soát.
2. Ông Đinh Lê Chiến, thành viên.
3. Ông Lâm Hải Đào, thành viên.
4. Ông Nguyễn Thanh Hải, thành viên.
5. Ông Bùi Tấn Tài, thành viên.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát

- Giao dịch cổ phiếu:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
01	Ông Bùi Tấn Tài	Thành viên Ban kiểm soát	61.760	2.022	31.760	1.04	Từ ngày 31/12/2015 đến 11/1/2016 bán 30.000 cổ phiếu

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty): Không.

- Thù lao: Do kết quả kinh doanh năm 2015 bị lỗ nên các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không có thù lao.

- Thu nhập của Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng năm 2015:

- + Ông Nguyễn Việt Hùng – Tổng giám đốc: 523.158.100 đ
- + Ông Đoàn Thiện Tấn – Phó Tổng giám đốc: 331.861.100 đ
- + Ông Đặng Trung Nghĩa - Phó Tổng giám đốc: 437.936.500 đ
- + Bà Lê Thị Hoàng Hà - Kế toán trưởng: 308.278.300 đ

VI. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán:

1. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán DTL như sau:

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Fiditour vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 20 tháng 03 năm 2016.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77,640,581,696	84,821,768,812
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16,315,510,404	16,102,533,151
1. Tiền	111		16,247,203,082	15,802,533,151
2. Các khoản tương đương tiền	112		68,307,322	300,000,000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41,621,373,450	47,394,644,369
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	23,092,185,115	24,518,002,948
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11,644,153,392	14,754,255,696
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6,885,034,943	8,122,385,725
III. Hàng tồn kho	140		15,875,886,545	17,990,238,614
1. Hàng tồn kho	141	5.4	15,875,886,545	17,990,238,614
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,827,811,297	3,334,352,678
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,408,049,666	1,780,388,699
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2,419,761,631	1,553,963,979
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29,242,989,583	16,876,202,012
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		716,824,400	716,824,400
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	716,824,400	716,824,400
II. Tài sản cố định	220		13,185,436,781	11,289,265,648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	13,079,255,932	11,155,974,770
- Nguyên giá	222		46,675,710,613	42,421,496,067
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33,596,454,681)	(31,265,521,297)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	106,180,849	133,290,878
- Nguyên giá	228		315,932,576	315,932,576
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(209,751,727)	(182,641,698)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.7	10,481,340,586	-
- Nguyên giá	231		10,481,340,586	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3,474,390,400	3,474,390,400
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3,864,430,862	3,864,430,862
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(390,040,462)	(390,040,462)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,384,997,416	1,395,721,564
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,384,997,416	1,395,721,564
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		106,883,571,278	101,697,970,824

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		77,720,881,685	59,817,084,390
I. Nợ ngắn hạn	310		67,748,136,978	55,837,481,600
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4,912,882,020	7,397,265,267
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20,791,475,520	26,231,698,818
3. Phải trả người lao động	314		460,230,930	45,206,350

4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2,124,751,308	1,985,295,668
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.10	16,713,548,038	14,452,308,481
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2,154,792,181	4,356,670,860
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	20,590,456,981	300,000,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	1,069,036,156
II. Nợ dài hạn	330		9,972,744,707	3,979,602,790
1. Phải trả dài hạn khác	337		1,106,630,666	853,116,066
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.8	8,866,114,041	3,126,486,724
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29,162,689,594	41,880,886,434
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	29,162,689,594	41,880,886,434
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,545,000,000	30,545,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30,545,000,000	30,545,000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,471,833,326	7,014,606,326
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7,854,143,732)	4,321,280,108
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4,258,080,108	4,296,696,217
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12,112,223,840)	24,583,891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		106,883,571,278	101,697,970,824

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2105

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		502,022,059,944	487,357,700,862
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		922,608,497	627,165,250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	501,099,451,447	486,730,535,612
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	476,327,805,376	458,350,079,340
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,771,646,071	28,380,456,272
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		293,132,213	206,086,309
7. Chi phí tài chính	22		1,625,412,749	207,272,083
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		1,560,608,249	127,742,555
8. Chi phí bán hàng	24	6.3	9,841,365,252	10,389,190,742
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	26,396,447,242	24,108,274,158
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12,798,446,959)	(6,118,194,402)
11. Thu nhập khác	31		728,060,609	8,958,981,155
12. Chi phí khác	32		41,837,490	2,812,405,224
13. Lợi nhuận khác	40		686,223,119	6,146,575,931
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12,112,223,840)	28,381,529
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	3,797,638
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12,112,223,840)	24,583,891
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(3,965)	8
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(3,965)	8
IV. Tài sản ngắn hạn khác				

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12,112,223,840)	28,381,529
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		2,358,043,413	2,416,480,381
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	79,228,051
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(288,194,706)	(2,970,300,660)
- Chi phí lãi vay	06		1,560,608,249	127,742,555
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(8,481,766,884)	(318,468,144)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4,907,473,267	4,013,124,683
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,114,352,069	2,932,487,106
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6,599,037,003)	(7,645,299,483)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		383,063,181	1,456,790,131
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,560,608,249)	(127,742,555)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(605,973,000)	(860,308,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,842,496,619)	(549,416,262)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(14,735,555,132)	(4,466,961,273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	5,256,462,430
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		288,194,706	203,355,893
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14,447,360,426)	992,857,050
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		64,669,757,471	12,013,615,008
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(38,639,673,173)	(9,032,128,284)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(1,527,250,000)	(4,581,750,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24,502,834,298	(1,600,263,276)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		212,977,253	(1,156,822,488)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16,102,533,151	17,338,583,690
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(79,228,051)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		16,315,510,404	16,102,533,151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Fiditour (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 04 năm 2013.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 127-129-129A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 424 (31/12/2014: 408).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (môi giới vận tải, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy), vận tải hàng hóa bằng đường bộ (đại lý vận chuyển hàng hóa);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (tư vấn du học), giáo dục nghề nghiệp (đào tạo nghề);
- Điều hành tour du lịch (dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế), vận tải hành khách đường bộ khác (kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng bằng ô tô);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (kinh doanh nhà hàng), bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá lưu động hoặc tại chợ (mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc), hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Fiditour	127 – 129 – 129A Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Cần Thơ	59 Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Chợ Lớn	977 Hồng Bàng, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Tân Bình	355 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Đặng Dung	54 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Hoàng Gia	12D Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh khách sạn Tân Định	50A Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Hà Nội	43A Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Công ty Cổ phần Fiditour – Chi nhánh Đà Nẵng	47B Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

4.2. Áp dụng Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.22.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo từng đối tượng.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định

và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2015</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 10 năm
+ Máy móc thiết bị	06 – 11 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 08 năm

4.9. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.10. Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

4.11. Đầu tư tài chính

Đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi

tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu của dịch vụ tour đã hoàn thành nhưng chi phí thực hiện tour chưa thể xác định một cách đáng tin cậy để ghi nhận giá vốn tương ứng. Doanh thu chưa thực hiện sẽ được tính, xác định và kết chuyển vào doanh thu trong kỳ khi chi phí của các tour du lịch tương ứng đã được xác định một cách đáng tin cậy.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.15. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.22. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Được báo cáo lại)	VND Đầu năm (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	8.122.385.725	1.772.491.817
Tài sản ngắn hạn khác	-	6.349.893.908
Phải thu dài hạn khác	716.824.400	-
Tài sản dài hạn khác	-	716.824.400
Quỹ đầu tư phát triển	7.014.606.326	5.733.056.477
Quỹ dự phòng tài chính	-	1.281.549.849
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	14.452.308.481	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	14.452.308.481

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	2.261.473.287	2.243.169.311
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.985.729.795	13.559.363.840
Các khoản tương đương tiền	68.307.322	300.000.000
Cộng	<u>16.315.510.404</u>	<u>16.102.533.151</u>

5.2. Phải thu của khách hàng

Các khoản phải thu ngắn hạn của từng khách hàng chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số nợ phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu từ hoạt động hướng dẫn du lịch	3.048.642.899	6.434.978.873
Phải thu từ hoạt động bán vé máy bay	17.764.166.393	17.148.716.833
Phải thu từ hoạt động khác	2.279.375.823	934.307.242
Cộng	23.092.185.115	24.518.002.948

5.3. Phải thu khác

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Tạm ứng	5.266.677.723	-	6.349.893.908	-
Phải thu BHXH	847.896.144	-	784.469.144	-
Phải thu khác	770.461.076	-	988.022.673	-
Cộng	6.885.034.943	-	8.122.385.725	-
Dài hạn:				
Ký quỹ	716.824.400	-	716.824.400	-
Cộng	716.824.400	-	716.824.400	-

Tạm ứng cho nhân viên liên quan đến hoạt động của phòng vé và bộ phận lễ hành.

5.4. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	899.451	-	1.485.497	-
Công cụ, dụng cụ	441.378.400	-	415.961.127	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.407.825.981	-	17.503.248.440	-
Hàng hóa	25.782.713	-	69.543.550	-
Cộng	15.875.886.545	-	17.990.238.614	-

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là tập hợp chi phí của các tour du lịch chưa được quyết toán.

(Xem tiếp trang sau)

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	29.705.558.229	4.497.687.950	5.712.563.372	2.505.686.516	42.421.496.067
Mua trong năm	-	-	4.141.414.546	112.800.000	4.254.214.546
Số dư cuối năm	29.705.558.229	4.497.687.950	9.853.977.918	2.618.486.516	46.675.710.613
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	24.848.423.965	3.529.838.787	1.116.965.288	1.770.293.257	31.265.521.297
Khấu hao trong năm	1.227.378.493	33.149.176	867.650.370	202.755.345	2.330.933.384
Số dư cuối năm	26.075.802.458	3.562.987.963	1.984.615.658	1.973.048.602	33.596.454.681
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	4.857.134.264	967.849.163	4.595.598.084	735.393.259	11.155.974.770
Tại ngày cuối năm	3.629.755.771	934.699.987	7.869.362.260	645.437.914	13.079.255.932

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 8.319.765.007 VND – Xem thêm mục 5.8

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.393.369.873 VND.

(Xem tiếp trang sau)

5.6. Tài sản cố định vô hình

	VND
Khoản mục	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	315.932.576
Số dư cuối năm	315.932.576
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	182.641.698
Khấu hao trong năm	27.110.029
Số dư cuối năm	209.751.727
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	133.290.878
Tại ngày cuối năm	106.180.849

5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất mua vào trong năm với mục đích đầu tư chờ tăng giá. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị đang ghi sổ. Do đó, không có tổn thất do giảm giá trị đối với bất động sản đầu tư được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2015.

(Xem tiếp trang sau)

5.8. Vay

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN4 Công đoàn Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1, TP. HCM	17.376.971.670	17.376.971.670	54.294.657.471	36.917.685.801	-	-
	300.000.000	300.000.000	-	-	300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN4	2.913.485.311	2.913.485.311	2.913.485.311	-	-	-
Cộng	20.590.456.981	20.590.456.981	57.208.142.782	36.917.685.801	300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN4	8.866.114.041	8.866.114.041	7.461.614.689	1.721.987.372	3.126.486.724	3.126.486.724
Cộng	8.866.114.041	8.866.114.041	7.461.614.689	1.721.987.372	3.126.486.724	3.126.486.724

Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn 3 tháng với lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

Vay ngắn hạn Công đoàn Viện kiểm sát có thời hạn 1 năm với lãi suất 12%/năm, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không có thế chấp.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 54 đến 60 tháng với lãi suất theo từng lần nhận nợ, nhằm mục đích mua xe và bất động sản đầu tư.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định dùng thế chấp theo các hợp đồng thế chấp với giá trị còn lại là 8.419.765.007 VND – Xem thêm mục 5.5

5.9. Phải trả người bán

Là các khoản phải trả cho từng người bán chiếm tỷ trọng dưới 10% trên tổng số phải trả người bán và có khả năng trả nợ 100%.

5.10. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Dịch vụ hướng dẫn du lịch	16.148.427.280	14.396.517.832
Dịch vụ cho thuê mặt bằng nhận trước	435.938.969	46.999.727
Hoạt động khác	129.181.789	8.790.922
Cộng	<u>16.713.548.038</u>	<u>14.452.308.481</u>

(Xem tiếp trang sau)

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Các quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.545.000.000	7.014.606.326	8.151.196.216	45.710.802.542
Lãi trong năm trước	-	-	24.583.891	24.583.891
Chia cổ tức	-	-	(3.054.500.000)	(3.054.500.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Số dư đầu năm nay	<u>30.545.000.000</u>	<u>7.014.606.326</u>	<u>4.321.280.108</u>	<u>41.880.886.434</u>
Lỗ trong năm	-	-	(12.112.223.840)	(12.112.223.840)
Sử dụng quỹ	-	(542.773.000)	-	(542.773.000)
Khác	-	-	(63.200.000)	(63.200.000)
Số dư cuối năm	<u>30.545.000.000</u>	<u>6.471.833.326</u>	<u>(7.854.143.732)</u>	<u>29.162.689.594</u>

(Xem tiếp trang sau)

5.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.00 0	24.545.000.000
Cộng	30.545.000.00 0	30.545.000.000

5.11.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	3.054.500	3.054.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.054.500	3.054.500

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	297.251.740.59 0	259.448.182.94 7
Doanh thu bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	168.270.437.31 2	187.851.408.59 1
Doanh thu tour F&E	10.223.817.367	9.783.833.478
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	8.070.296.400	8.427.577.197
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	1.207.647.319	2.755.740.878
Doanh thu cho thuê mặt bằng	7.068.692.073	8.441.926.266
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	8.627.006.294	8.476.805.268
Doanh thu hoạt động khác	1.302.422.589	2.172.226.237
Hàng bán bị trả lại	(899.450.804)	(566.442.941)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(23.157.693)	(60.722.309)
Doanh thu thuần	501.099.451.44	486.730.535.612

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	283.723.329.022	242.079.907.12 3
Giá vốn của hoạt động bán vé máy bay và dịch vụ hàng không	162.508.359.234	184.014.858.36 7
Giá vốn tour F&E	9.448.757.062	9.049.765.710
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	3.758.939.140	3.623.021.619
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	1.346.206.448	2.999.477.107
Giá vốn của hoạt động cho thuê mặt bằng	2.227.182.829	2.275.715.277

Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	7.341.150.800	7.282.666.414
Giá vốn của hoạt động khác	793.899.428	1.440.631.578
Giá vốn kinh doanh chung	5.179.981.413	5.584.036.145
Cộng	<u>476.327.805.376</u>	<u>458.350.079.340</u>

6.3. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng chủ yếu là chi phí giới thiệu, quảng cáo.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	19.685.621.717	17.300.942.872
Chi phí vật liệu quản lý	738.533.684	738.165.828
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.323.749.695	1.377.930.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.155.884.713	701.416.863
Chi phí bằng tiền khác	3.492.657.433	3.989.817.664
Cộng	<u>26.396.447.242</u>	<u>24.108.274.158</u>

6.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.580.785.714	5.081.526.582
Chi phí nhân công	48.390.792.458	44.938.431.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.358.043.413	2.416.480.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	450.061.578.018	430.929.387.18
		4
Chi phí khác bằng tiền	8.174.418.267	9.481.718.383
Cộng	<u>512.565.617.870</u>	<u>492.847.544.240</u>

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Dịch vụ hướng dẫn du lịch
- Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không
- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
- Dịch vụ vận chuyển
- Chuyển nhượng bất động sản
- Dịch vụ khác

ĐVT: triệu đồng

	<u>Dịch vụ hướng dẫn du lịch</u>		<u>Bán vé máy bay và dịch vụ hàng không</u>		<u>Dịch vụ nhà hàng, khách sạn</u>		<u>Dịch vụ vận chuyển</u>		<u>Dịch vụ khác</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Từ khách hàng bên ngoài	307.476	259.448	167.371	197.069	9.255	11.123	8.627	8.477	8.371	10.614			501.099	486.731
Giữa các bộ phận	9.219	13.705	85.569	73.825	33	45	11.464	10.580	-	-	(106.284)	(98.155)	-	-
Cộng	316.694	273.153	252.940	270.894	9.287	11.168	20.091	19.057	8.371	10.614	(106.284)	(98.155)	501.099	486.731
Kết quả của bộ phận	14.303	17.368	4.863	4.004	4.150	4.500	1.286	1.194	5.350	6.898			29.952	33.964
Chi phí không phân bổ													41.418	42.894
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính													(11.466)	(8.929)
Thu nhập tài chính													293	206
Chi phí tài chính													1.625	207
Thu nhập khác													686	8.959
Lợi nhuận trước thuế													(12.112)	28
Thuế thu nhập doanh nghiệp													-	4
Lợi nhuận sau thuế													(12.112)	25

BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	<u>Thành phố Hồ Chí Minh</u>		<u>Thành phố Hà Nội</u>		<u>Thành phố Cần Thơ</u>		<u>Thành phố Đà Nẵng</u>		<u>Loại trừ</u>		<u>ĐVT: triệu đồng</u> <u>Tổng cộng</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu												
Từ khách hàng bên ngoài	456.316	453.276	19.835	8.696	21.099	19.076	3.850	5.683	-	-	501.099	486.79
Giữa các bộ phận	98.023	91.468	2.452	2.872	2.453	437	3.355	3.379	(106.284)	(98.155)	-	-
Cộng	554.339	544.744	22.288	11.568	23.552	19.512	7.205	9.062	(106.284)	(98.155)	501.099	486.79

Các thông tin khác

Trên 90% tài sản cố định của Công ty thuộc bộ phận thành phố Hồ Chí Minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn
2. Ông Nguyễn Việt Hùng
3. Ông Đoàn Thiện Tánh
4. Ông Đặng Trung Nghĩa

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi cổ tức	305.450.000	916.350.000

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương Tổng Giám đốc	311.268.000	311.268.000
Lương các nhân viên quản lý chủ chốt khác	536.557.500	528.244.000
Cộng	847.825.500	839.512.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Công ty là bị đơn và nguyên đơn trong một vụ kiện liên quan đến yêu cầu thanh toán tiền thuê mặt bằng từ tháng 10/2007 và hoàn trả mặt bằng tại 127-129A Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện vụ kiện đang được các cơ quan chức năng thụ lý. Kết quả của vấn đề này hiện không thể xác định được và không có bất kỳ khoản dự phòng công nợ phải trả nào có liên quan được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2016.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2016

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Hùng
NGUYỄN VIỆT HÙNG